

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẢO LỘC  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2018

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tuyết.

2. Bà Đỗ Thị Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Quốc lộ 20, thôn K, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

**2. Bị đơn:** Ông **Lê Xuân T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Quốc lộ 20, thôn K, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/4/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi người một ý kiến nên thường xuyên cãi nhau, mỗi lần tranh cãi thì vợ chồng giận nhau mấy tháng, tình trạng trên lặp đi lặp lại làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt.

Vợ chồng cứ sống như vậy cho đến năm 2008 ông T có bắt gặp bà đi uống cà phê với một người bạn là nam giới nên đã ghen tuông vô cớ, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt sống không có hạnh phúc. Đến cuối năm 2017 bà đã làm đơn ly hôn với ông T và đã được Tòa án thụ lý giải quyết, sau đó bà rút đơn về để vợ chồng có cơ hội suy nghĩ lại. Nhưng từ khi rút đơn về thì mâu thuẫn giữa bà và ông T vẫn không cải thiện được. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Trần Huy H, sinh ngày 02/7/2001; Lê Trần Anh V, sinh ngày 01/01/2006; Lê Trần Gia N, sinh ngày 24/8/2008, hiện nay các con vẫn ở chung với bà và ông T. Khi ly hôn theo nguyện vọng của các con đều muốn được ở với mẹ nên bà yêu cầu được nuôi cả 03 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

*Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Xuân T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Thu H có đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường cho đến năm 2013 mới xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, khó khăn về kinh tế. Khoảng 04 năm trở lại đây ông bắt gặp bà H đi cà phê chòi với người đàn ông khác nên ông có chửi mắng bà H làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Bà H đã làm đơn ly hôn nhiều lần và đã được Tòa án thụ lý giải quyết sau đó lại rút đơn về nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn làm cho ông rất mệt mỏi và cũng không còn tình cảm gì với bà H nữa. Hiện nay tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay ông không còn tình cảm gì với bà H nhưng do ông theo đạo Thiên chúa và thương các con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như bà H trình bày là đúng. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì theo nguyện vọng của các con ở với ai thì người đó nuôi. Nếu các con ở với bà H thì bà H có trách nhiệm nuôi, còn ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai không có.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, nhưng vi phạm thời hạn thụ lý 8 ngày, kiến nghị khắc phục. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T do mục đích hôn nhân không đạt; giao 03 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H có đủ khả năng về kinh tế nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Xuân T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu H và ông Lê Xuân T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H và ông T có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mặt khác ông T nghi ngờ bà H có tình cảm với người khác nên ghen và có chửi mắng nặng lời với bà H làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Cả bà H và ông T thừa nhận tuy sống chung một nhà nhưng không còn tình cảm gì với nhau, mạnh ai nấy sống không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng bà H, ông T có mâu thuẫn. Như vậy, thấy rằng tình trạng hôn nhân của ông T và bà H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu của bà H được nuôi cả 03 con và qua tham khảo ý kiến các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao 03 con chung tên Lê Trần Huy H, sinh ngày 02/7/2001; Lê Trần Anh V, sinh ngày 01/01/2006; Lê Trần Gia N, sinh ngày 24/8/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H có đủ khả năng về kinh tế không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét việc cấp dưỡng.

[4]. Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà H và ông T đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không đề cập.

[6]. Xét ý kiến và kiến nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thu H và ông Lê Xuân T.
2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Trần Huy H, sinh ngày 02/7/2001; Lê Trần Anh V, sinh ngày 01/01/2006; Lê Trần Gia N, sinh ngày 24/8/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.*

3. Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002483 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố Bảo Lộc;
- + T.H.A thành phố Bảo Lộc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND Xã L, TP. B;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký và đóng dấu)  
Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc**